

PHẨM THỨ HAI TẶNG ÍCH THỦ HỘ THANH TỊNH HẠNH

Muốn giải thích phẩm này chia làm bốn phần:

1. Giải thích tên gọi: tùy: theo tu tánh lý hạnh thanh tịnh, giữ giới giữ thân gọi là thủ hộ, tu ắt đắc quả gọi là tặng ích.

2. Nguyên nhân có phẩm này: Phẩm trước đã nói giới thanh tịnh, phẩm này nói giúp đỡ người đã nói, cho nên có phẩm thứ hai này.

3. Tông thú: Người tu hành nương nhờ pháp lực, lấy dụng phẩm này làm Tông, đem thân bất hoại trú ở tâm Phật, tự ngộ, giúp người giác ngộ, là ý thú của phẩm này.

4. Nhiếp văn: phẩm này đại khái chia làm hai: Một bài kệ rưỡi đầu là tựa chung của phẩm, nửa bài kệ thứ hai trở xuống là giải thích riêng.

a) Hai câu đầu trong tựa chung là kết thúc trước sanh khởi sau.

- Mỗi ngày trước trụ trong niệm tuệ: Mỗi ngày: thọ pháp ngay ngày đầu tiên tu tập cho đến thành Phật, trong khoảng thời gian đó ba thời không thiếu, gọi là mỗi ngày. Niệm tuệ: là nhớ nghĩ trí tuệ của thầy.

- Nương pháp ngủ nghỉ: nằm nghiêng hông bên phải, tay phải làm gối, tay trái duỗi dài đặt sát trên đùi vế, đó là đúng pháp.

- Lúc Sơ khởi: Đêm thọ pháp tức là pháp lúc gần sáng khi mặt trời xuất hiện.

- Làm chướng: tức là trôi lăn trong sanh tử, ba độc phiền não là gốc. Ngộ được ba độc phiền não vốn bất sanh, tức là trừ chướng.

- Đêm ấy: là đêm dài sanh tử trước khi thọ pháp.

- Tội do buông lung sanh ra: nghĩa là căn, trần hòa hiệp sanh ra tội lỗi.

- Ân căn: y theo pháp niệm tụng gấp như cứu lửa cháy đầu.

- Tịch căn: là ngộ “Căn” vốn không sinh khởi.

- Có tâm từ bi lợi ích: Trí tuệ phân biệt với Tiểu thừa yếu kém, nói lên tâm đại bi mạnh mẽ.

- Thệ độ: Cõi chúng sanh chưa hết, nguyện ta không dừng nghỉ.

- Đúng như pháp tắm gội: Tắm bên ngoài nhất định dùng nước thơm, nóng.

- Hoặc không tắm gội: Tắm bên trong (tâm) đạt được pháp không có thân để tắm gội.

b) Giải thích riêng:

Trong phần giải thích riêng có mười lăm chân ngôn, tức là mười lăm môn. Mỗi môn đều có kệ tụng chân ngôn.

Y cứ theo bài tụng thì:

- Chỗ trai thất vắng lặng: là ở chỗ diệu cao, phụ phong v.v... mà tạo lập đàn, tụng niệm thành tựu nhà Tất-địa.

- Rải hoa đẹp... Hễ vật dâng cúng thì tùy theo tánh loại của chư tôn và vị mạn-đồ-la v.v... mỗi mỗi khéo phân biệt, phải khiến sắc, hương, vị, xúc thích hợp vui vẻ tâm người, đối với ba màu trắng, vàng, đỏ thì Như Lai và những vị hầu cận (bộ loại) nên dùng màu trắng, quyến thuộc liên hoa dùng màu vàng, quyến thuộc Kim cương dùng màu đỏ. Lại nữa, đúng như phương hướng và vị trí của Mạn-đồ-la, đàn tròn thì dùng màu trắng, đàn vuông dùng màu vàng, đàn tam giác dùng màu đỏ, các vị thế thiên dùng màu đỏ. Bát-đầu-ma: là hoa sen hồng, xanh, vàng, trắng v.v... hoa sen mọc từ nước đều có thể dâng cúng chung các Tôn vị.

Hoa Long Thọ: Thế tôn Di-lặc thành Phật dưới gốc cây này. Hoa Long thọ nói thẳng là Long hoa: là hoa được ưa chuộng trong loài rồng, ở Tây phương có nhiều loại hoa ấy. Kế-tát-la Hoa, Sa-la Thọ Hoa đều có ở Thiên Trúc, ở Trung Quốc không có, chỉ khiến lòng người ưa thích, thế gian cho là điềm tốt lành, đều được cúng dường, phải mỗi khéo phân biệt, lựa chọn gom lại để xỏ thành tràng lẫn lộn trang nghiêm, hoặc nối hoặc kết, vì tâm hành giả trong sáng thuần hậu nên khiến Chư - Tôn vui mừng, che chở.

- Tùy đặt: là trước đã tạo lập nơi làm lễ (đàn tràng).

- Điển: là Kinh Đại Nhật.

Phải y vào phương hướng của Bản tôn: 1. Nói: trước là phương hướng của Bản tôn trong nhà Niệm tụng; 2. Nói: thế giới mười phương tùy theo căn cơ mà hiển bày phương; hướng như phương Đông Đức Phật Dược sư, phương Tây Đức Phật A-di-đà, núi Thanh Lương Bồ-tát Văn-Thù v.v... cũng được.

- Nhất tâm trụ: Buộc tâm thì mất Bốn - Tôn không tạm bỏ v.v...

- Năm luận: tức là năm chi trong thân.

- Quy mạng: chúng sanh đã trọng thân mạng như là vật rất quý báu, đem kho báu này dâng cúng Tam Bảo, dùng chân ngôn, ấn v.v...

- Thân, miệng, ý thanh tịnh nghiệp: xả bỏ thân mạng, trở về Tôn vị, gọi là tịnh nghiệp.

- Trong chân ngôn làm lễ phương tiện: Do đây mà làm lễ đấng chân thật ngôn. Chân ngôn: tức là trí thật tướng, chư tôn dùng trí thật

tướng làm thân, tâm, dùng trí thật tướng tụng chân ngôn, liền đến khắp trí thật tướng của “Tôn vị”, trí thật tướng của Tôn vị trong một lúc đến thọ lễ chân ngôn, do đó nói liền có thể lễ khắp các Đức Phật trong mười phương.

Một, gối phải chấm đất trở xuống: là phương tiện xuất tội chân ngôn môn.

Hai, tụng chân ngôn giống như trước, trí thật tướng tự vô tội, nếu chấp có tội, trí này có thể giúp hiểu được không tội, vì thế nói là xuất tội.

Ba, Nam-mô thập phương tam thế Phật trở xuống, là phương tiện quy y chân ngôn môn, chân ngôn này ngoài trí không vọng, chỗ không vọng bên ngoài tức là chân ngôn, tự thân nếu tụng chân ngôn này thì ngộ tự chân, cho nên nói quy y, cũng có tụng chân ngôn. Trong tụng thì:

- Nam-mô: là độ con, cũng dịch là lễ kính.

- Ba thứ thường thân: Tức là ba thân: như pháp thân v.v... ngộ sanh tử vốn bất sanh, cho nên nói là “Thường thân”.

- Chánh pháp tạng: Chánh là để phân biệt với tà.

- Pháp: là phép tắc

- Tạng: là chứa đựng công đức nhiều như cát sông Hằng.

Bốn, ta thanh tịnh thân này, lia các cấu trở xuống là thí thân phương tiện chân ngôn môn, cũng có tụng chân ngôn, vì ngoài chân thân không có thân riêng, các Đức Như Lai trong ba đời cũng đồng thể, chúng sanh vọng chấp có thân riêng. Chân ngôn môn này có thể giúp hiểu thân, ta và thân Phật bình đẳng không khác nhau, do đó nói thí thân.

Năm, của báu thắng nguyện tâm Bồ-đề thanh tịnh trở xuống là phát tâm Bồ-đề phương tiện chân ngôn môn, có thực hành tụng trì chân ngôn lâu dài, thân ta và thân Phật đã không khác, trí Bồ-đề Phật đồng với trí ta, chân ngôn ấy giúp ngộ pháp này, có thể giúp hiểu biết nên nói là phát Bồ-đề.

- Tăng gia: là có thể hiển bày thêm nghĩa chân ngôn.

- Tâm Bồ-đề: là tự tánh thanh tịnh tự giác.

- Tâm: là nghĩa trung thực, cho nên nói là tất cả v.v...

- Uẩn: là năm uẩn.

- Giới: là mười tám giới

- Xứ: là mười hai xứ.

- Năng chấp: là tâm luống dối

- Sở chấp: là cảnh luống dối.

- Lìa bỏ Pháp vô ngã hữu: là lìa cảnh luống dối.

- Tự tâm bình đẳng: là không vọng tưởng; lại tự tâm: là tự tâm vọng tưởng; Bình đẳng: là tự tâm vọng tưởng vốn bất sanh, do đó nói năng chấp, sở chấp cho đến xưa nay bất sanh.

- Như đại không: là trong vắng mặt trời trí tuệ vĩ đại không phát sinh sanh, tử, ngày đêm khác nhau.

- Tự tánh: mặt trời trí tuệ tức là thân, ôm vọng không sanh khiến đồng với chân tánh, nên nói là “Như”. Tăng thêm câu này là người dịch khen ngợi bản “Phạn”, nếu tụng được bản Phạn là bậc nhất, nương vào văn Hán hiểu được ý đọc tụng cũng được.

- Đạo tràng: là chỗ vắng lặng.

Thứ sáu: trong vô lượng thế giới ở thập phương trở xuống là vui theo phương tiện chân ngôn môn, cũng có tụng chân ngôn, trí như thật tự không có ganh ghét, trí tự không ganh ghét khiến không có tức giận, chí thành niệm tụng chân trí này khiến cho trí không khác chân thật, do đó gọi là pháp phương tiện tùy hỷ.

Thứ bảy: nay con khuyến thỉnh các Như Lai trở xuống là khuyến thỉnh phương tiện Chân ngôn môn, tụng chân ngôn đồng như trước, chân trí đại bi thường lợi ích chúng sanh, lợi ích chúng sanh cho nên dần dần mưa pháp, chí thành tụng niệm chân ngôn này khiến thỉnh pháp tồn tại ở đời lâu dài, do đó gọi là khuyến thỉnh.

Thứ tám: nguyện khiến cho nơi phàm phu nương ở trở xuống: là thỉnh pháp thân phương tiện chân ngôn môn, tụng chân ngôn giống như trước, pháp thân thường trụ trong bốn chân, vì thường trụ khiến cho đến pháp thân, tụng chân ngôn này là trực tiếp phụng thỉnh, vì thế nói pháp phương tiện phụng thỉnh.

Thứ chín: tu hành tất cả các nghiệp lành trở xuống: là hồi hướng phương tiện chân ngôn môn. Tụng chân ngôn giống như trước, ngoài bản giác chân trí không lìa mất, vì không lìa mất do đó cùng hồi hướng, siêng năng, khổ nhọc tụng niệm chân ngôn môn này, pháp trở về chân bản gọi là hồi hướng.

Thứ mười: lại làm các việc phước khác trở xuống là nhập Phật Tam-muội-da Minh môn, là thân sanh ra pháp, trong đây có tụng ấn, chân ngôn.

- Pháp khác: Tức là ngoài niệm tụng chân ngôn.

- Khấp thanh tịnh: Bất tịnh trong ba nghiệp của mình khiến không sanh.

- Thương xót cứu giúp: Bất tịnh từ trong ba nghiệp khiến bất

sanh.

- Tâm tánh: là như bản tánh của tâm tự thanh tịnh.

- Thân tùy sở ứng: mặt hướng về bản Tôn; lại ở trong ba bộ, năm bộ lấy “Tôn vị” nào là Bản tôn của ta.

- Để ngồi yên: tức là đỉnh đầu, mũi, đui về đều ngay thẳng, ngồi kết già và bán già v.v...

- Tịnh trừ ba nghiệp đạo: ba nghiệp bất sanh bất tịnh tức là Đạo.

- Ấn: chân ngôn là chỗ nương dựa của thân.

Hỏi: Thân, trí vì sao nói khác?

Đáp: Thân là chỗ nương của các công đức; Trí là nghĩa chiếu sáng; nhưng, nói về Dụng thì khác mà nói về Thể thì một.

- Kinh nhập Phật Tam-muội-da trì minh chép: lúc bấy giờ, Bạc-già phạm trụ trong pháp giới rộng lớn gia trì, ngay lúc ấy, trú pháp giới thai tạng Tam-muội.

- Xuất định này nói nhập Phật Tam-muội-da trì minh: Tiếng Phạm Tỳ-phú-la, là nghĩa rộng lớn, nghĩa là sâu rộng không bờ mé, không thể suy lường, tự thể các pháp như thế gọi là Tỳ-phú-la pháp giới, đem pháp giới này thay nhau gia trì, nên gọi là pháp giới gia trì. Lại nữa, như nhân duyên nam nữ giao hội, hạt giống gá vào thai tạng mà không hư hoại tức là nghĩa gia trì lẫn nhau, các Đức Phật cũng giống như thế, quốc vương Minh Phi làm phu nhân, hòa hiệp cùng sanh chủng tử Tỳ-phú-la, làm chỗ giữ gìn thai tạng đại bi không bị hư hoại, do đó gọi là pháp giới gia trì, Thế Tôn gia trì khắp tất cả chúng sanh, đều làm hạt giống bình đẳng xong, tức thời nhập vào Biến pháp giới thai tạng Tam-muội. Quán mỗi hạt giống này, đều là Tỳ-lô-giá-na trên đài hoa sen, quyến thuộc Phổ môn trang nghiêm vô tận cũng cùng đại bi mạn-đồ-la bình đẳng không có khác nhau, nhưng các chúng sanh chưa thể tự chứng biết, cho nên gọi là Thánh thai Câu-xá, nếu khi ra khỏi tạng tức là giải thoát của Như Lai. Như Lai quán sát rõ ràng như thế rồi, liền xuất định nói “Tam-muội da trì minh”.

- Tam-muội-da: là nghĩa bình đẳng, là nghĩa bản thể, là nghĩa trừ chướng, là nghĩa cảnh giác.

- Nói bình đẳng: nghĩa là khi Như Lai hiện chứng Tam-muội này, thấy các thứ thân, ngữ, ý của tất cả chúng sanh, thấy đều cùng giống với Như Lai. Thiên định, trí tuệ và thân thật tướng cũng rất ráo bình đẳng, khi mới phát tâm và khi Thập địa Ba-la-mật đầy đủ cũng rất ráo ngang nhau, vì thế phát ra lời thành thật để chỉ dạy chúng sanh, như lời ta đã nói nhất định không luống dối, cũng là khi tất cả chúng sanh phát lời

thành thật này, cũng trông mong Tam mật gia trì, vô tận trang nghiêm bình đẳng với Như Lai, do nhân duyên ấy cho nên có thể làm sự nghiệp Kim cương (bền chắc), vì thế gọi là Tam-muội-da.

- Nói Bốn thệ: khi Như Lai hiện chứng Tam-muội-da này, thấy tất cả chúng sanh đều có nghĩa thành Phật, cho nên liền lập thệ nguyện rộng lớn, nay ta phải y theo Phổ môn, dùng vô lượng phương tiện, giúp tất cả chúng sanh đều đến “Vô thượng Bồ-đề”, khi nào chúng sanh các cõi chưa hết thì sự nghiệp của ta không bao giờ dừng nghỉ, nếu có chúng sanh theo bốn nguyện ta khi phát ra lời thành thật như vậy, cũng giúp sự nghiệp của kia đã làm thấy đều thành Kim cương tánh, cho nên nói là Tam-muội-da.

- Nói trừ chướng: Như Lai thấy tất cả chúng sanh đều có pháp giới Như Lai, chỉ vì một niệm vô minh, thường ở trước mắt mà không thấy biết, do đó phát lời thành thật, nay ta phải đặt ra các thứ phương tiện, khéo vì tất cả chúng sanh vệt tan màng mắt. Nếu thệ nguyện của ta chắc chắn thành tựu thì khiến chúng sanh tu theo phương tiện của ta. Lúc nói lời thành thật này, chúng sanh chỉ trong một đời được đôi mắt sáng suốt, “chướng”, “cái” đều hết sạch, do đó gọi là Tam-muội-da.

- Nói nghĩa cảnh giác: Như Lai vì tất cả chúng sanh đều ngủ trong vô minh, đối với công đức như thế không tự giác biết, cho nên dùng lời thành thật để cảm động giúp họ tỉnh ngộ, cũng dùng lời thành thật này cảnh giác các hàng Bồ-tát v.v... khiến khởi sâu hang thiền định, học Sư tử nhiều lần co duỗi, nếu có hành giả chân ngôn nói Tam-muội-da này thì các Đức Phật chúng ta cũng sẽ ghi nhớ bản thệ, không được trái vượt, giống như quốc vương tự chế pháp rồi, trở lại tự mình tôn kính làm theo, do đó gọi là Tam-muội-da.

- Trì minh: Tiếng Phạn là Đà-la-ni. Minh nghĩa là tổng trì tất cả hạnh Minh môn, cho đến hết Tam-muội-da này thệ nguyện đến nay không bao giờ rơi mất, vì thế gọi là “Nhập Phật Tam-muội-da trì minh”.

- Câu đầu là quy mạng tất cả các Đức Phật, như trên đã giải thích.

- Câu kế tiếp là nói Vô đẳng

- Câu tiếp theo nói Tam đẳng

- Câu tiếp theo sau nói: Tức là Vô đẳng, tam bình đẳng, Tam-muội-da. Lại nữa, “A” là nghĩa các pháp vốn bất sanh, tức là thể tánh pháp giới. “Bà” là nghĩa chắc thật. “Mê” là nghĩa Tam-muội. “Ma” là nghĩa tự chứng đại không cũng là ngã. Khi Đức Thế tôn chứng Tam-

muội này, quán sát kỹ mạn-đồ-la Phổ môn trong tâm mỗi chúng sanh, đều bình đẳng như ta, cho nên càng không đối đãi, không thể ví dụ gọi là “Vô đẳng”. Tam đẳng là ba đời bình đẳng, ba nhân bình đẳng, ba nghiệp đạo bình đẳng, ba thừa bình đẳng, tức là chuyển giải thích câu trước, vì thế ý là “vô đẳng”. Đán-lý nghĩa là tâm như thật tướng tất cả bụi trần xưa nay bất sanh, các Đức Như Lai trong ba đời dùng các phương tiện thấy đều vì một việc nhân duyên lớn này, tức là nghĩa trừ chướng.

- Kết thúc nói Tam-muội-da: tức là Như Lai nhất định giảng nói nghĩa các pháp bình đẳng, cho nên lập thế nguyện rộng lớn, sẽ giúp cho tất cả được như ta (Như Lai), vì thế muốn khắp vì chúng sanh mở bày tri kiến Phật, cho nên dùng Tam-muội này để cảnh tỉnh chúng sanh và các Đức Phật, do đó Tam-muội-da này gọi là thế, giới bền chắc của tất cả Như Lai.

- Nếu trước không niệm trì: thì không được làm tất cả pháp sự chân ngôn. Thế tôn dùng bánh xe thân, ngữ, tâm trùm khắp tất cả cõi Phật để nói Tam-muội-da này rồi, tất cả các chúng Phật tử thấy đều nghe, đã nghe như thế rồi, đối với tất cả pháp chân ngôn không dám trái vượt; vì sao? Vì nếu Bồ-tát đối với các pháp chúng sanh có các kiến chấp không bình đẳng thì vượt pháp Tam-muội-da. Nếu đối với thế bình đẳng này mà có các tâm giới hạn, cũng vượt pháp Tam-muội-da, có làm việc gì đều thuận theo danh lợi thế gian, không vì việc nhân duyên lớn, cũng vượt pháp Tam-muội-da, buông lung biếng nhác không cảnh ngộ tâm cũng vượt pháp tam-muội-da. Do vượt pháp Tam-muội-da, nên sanh ra các thứ chướng, mình và người đều tổn hại, không có nghĩa lợi, vì thế các hàng Bồ-tát vâng giữ Tam-muội-da này, như giữ thân mạng không dám trái vượt.

- Làm thanh tịnh Như Lai địa: là niệm tụng chân ngôn và bắt ấn liền dứt trừ được phiền não chướng và sở tri chướng.

- Địa Ba-la-mật mãn: là dứt sạch các chướng, đều vì xuất hiện công đức Phật địa.

- Thành tam pháp đạo giới: Tức là Ấn, chân ngôn và Ý mật. Giới đạo: Tức là quả. Hiệp lại mà nói thì thành quả của ba pháp.

Thứ mười một: kết pháp giới sanh trở xuống: là pháp giới sanh chân ngôn môn: là nuôi dưỡng pháp thân, trong đây có bài, tụng ấn chân ngôn.

Kinh chép: Bạc-già-phạm lại nói pháp giới sanh chân ngôn: là trước khi Thế tôn nhập pháp giới thai tạng Tam-muội thì thấy tất cả

chúng sanh đều có hạt giống Bồ-đề như các Đức Phật, vì thế nói “Nhập Phật Tam-muội-da trì minh”. Nhờ “trì minh” này mà được nhập cảnh giới Phật bình đẳng, tức là gá vào Thánh-thai-tạng. Bấy giờ, Thế tôn lại dùng mắt quán kỹ, thấy tất cả chúng sanh đều đầy đủ Thánh thai sanh trong nhà Phật, lúc ấy vô tận trang nghiêm cũng lại bình đẳng với các Như Lai, xuất định này rồi liền nói pháp giới sanh chân ngôn, lại dùng phổ nhãn quán kỹ, thấy mỗi chúng sanh này thành tựu đầy đủ sự nghiệp Kim cương, bấy giờ vô tận trang nghiêm cũng lại bình đẳng với Như Lai, xuất định này rồi liền nói: “kim cương tát-đỏa chân ngôn”, vì thế ba thứ này đều gọi là Tam-muội-da. Lại nữa, do nhập Phật Tam-muội-da ở trong Thai tạng không bị thất bại nữa chừng, do pháp giới sanh nên khi vừa ra khỏi thai tạng thì lia các chướng ngại, nhờ Kim cương tát-đỏa nên đầy đủ các tài năng, giữ gìn gia nghiệp. Lại lấy nhập Phật Tam-muội-da để gia trì Thai tạng Bí mật, dùng Pháp giới sanh gia trì Bồ-tát, Kim cương; hai lớp quyển thuộc lấy Kim cương tát-đỏa gia trì các thứ hình thể tùy theo loài. Nhập Phật Tam-muội-da như Hoa sen tạng, pháp giới sanh như hoa sen nở, Kim cương tát-đỏa như hoa sen chân thật, thành tựu sau trở lại làm hạt giống; vì thế ba thứ này gọi là Tam-muội-da.

- Đạt-ma-đà-đổ: là nghĩa pháp giới.

- Tát-phạ-bà-phạ: là tự tánh, cũng gọi là tánh căn bản.

- Cú ngân: là nghĩa ngã.

- Nghĩa câu kia nói ngã tức tự tánh pháp giới, vì chắc chắn do Như Lai giảng nói, ta và tất cả chúng sanh đều là tự tánh pháp giới, là nghĩa bình đẳng, ta thường thiết lập các thứ phương tiện, khiến cho tất cả chúng sanh thấy đều chứng biết, nghĩa bản thể này, do biết ngã tức là tự tánh pháp giới nên có thể dứt trừ tất cả sự phân biệt, khai mở sự hiểu biết đúng đắn. Đó là nghĩa trừ chướng. Các Đức Phật chỉ nguyện nhớ giữ bản nguyện, cho nên khiến thân ta đây liền đồng với tự tánh pháp giới Tỳ-lô-giá-na, ấy là nghĩa cảnh ngộ. Phải dùng chữ Môn giải thích rộng.

- Như tự tánh pháp giới: là để hiển bày thể sở - quán, nghĩa là trí thể mặt trời to lớn.

- Mà quán tự thân mình: là hiển bày trí năng quán của hành giả. Hoặc lấy hai câu chân thật trở xuống, chẳng phải chỉ có ý nghiệp mà cũng dùng miệng tụng chân ngôn.

- Tam chuyển: là ba lần.

- Bốn câu: Phải thấy trú pháp thể trở xuống là nói sự lợi ích hành

giả đã được.

Thứ mười hai: Vì khiến cho họ vững bên trở xuống là Kim cương tát-đỏa chân ngôn môn, là thân của pháp vững chắc, lại có ấn chân ngôn và tụng.

- Khiến cho kia vững chắc: là khiến nương vào pháp giới sanh, người tu hành giữ vững thân tâm mình.

- Quán tự Kim cương thân: Đồng với thân Kim cương tát-đỏa.

- Hai hàng kệ kết ấn Kim cương trí trở xuống là nói đã bắt ấn.

- Hai câu, người này sẽ không bao lâu v.v... là hiện ra sự lợi ích của bắt ấn.

- Hai câu chân ngôn ấn v.v... là hiện bày tướng mà đáng cứu thế đã thấy.

- Hai câu, thường như bánh xe báu xoay chuyển v.v... đối với sở kiến của đáng cứu đời nêu việc bánh xe báu sự hướng gì bánh xe báu pháp.

- Câu đầu trong Kim cương tát-đỏa chân ngôn môn là nói Kim cương tát-đỏa chân ngôn, cho nên quy mạng tất cả Kim cương đều tức là từ vô lượng môn giữ gìn trí Kim cương Như Lai, đều khiến ghi nhớ hộ trì.

- Câu tiếp theo nói: “Phật Chiết La đất ma cú ngân” nghĩa là thân ta tức là đồng với Kim cương, chính là tự tánh pháp giới, do thành tựu năng lực bền vững lớn không thể hư hoại, môn khác nói là Kim cương. Như Lai dùng mắt quán thấy trí thể Kim cương của tất cả chúng sanh không khác với Ngài, là nghĩa bình đẳng, vì chúng sanh không tự hiểu biết nên từ vô lượng trí môn Kim cương làm thành các thứ sự nghiệp Kim cương, cần phá diệt chướng lớn như thế, khiến đến “mé thật”, đó là nghĩa bản thể. Mé thật như thế gọi là “Vô cấu nhãn Kim cương”, tức là nghĩa trừ chướng. Do tiếng Sư tử hống này rung chuyển đến cõi Phật mười phương tức là nghĩa cảnh giác; vì thế gọi là tam-muội-da. Lại nữa, hành giả Chân ngôn, vừa mới theo tam-muội-da thì được thân giống như thân, miệng, ý Bí mật của Như Lai, thứ hai theo Tam-muội-da thì được thân giống như Như Lai gia trì pháp giới lớn tôn trọng đặc biệt, theo Tam-muội-da thứ ba nên khiến sanh thân này đều thành Kim cương, cùng vô lượng chúng trì Kim cương mà tự vây chúng quanh quyền thuộc. Phật nói Tam-muội-da thứ nhất là tự thọ dụng. Thứ hai, Tam muội da là thành tựu các Bồ-tát thân pháp tánh. Thứ ba Tam-muội-da là chiết phục nhiếp thọ chúng sanh tùy loài. Đức Phật nói Tam-muội-da ban đầu là kiến lập Thai tạng đại bi mạn-đồ-la. Tam-muội-da thứ hai là

làm sự nghiệp A-xà-lê Tỳ-lô-giá-na. Tam-muội-da thứ ba là sự nghiệp đệ tử giữ gìn Kim cương. Tam-muội-da thứ nhất là gia trì quyển thuộc Như Lai, Tam-muội-da thứ hai là gia trì quyển thuộc Liên Hoa, Tam-muội-da thứ ba là gia trì quyển thuộc Kim cương, vì thế Đức Phật dạy ba Tam-muội-da.

- Tức Chấp Kim cương này là Kim cương Tát-đỏa.

Chớ sanh tâm nghi hoặc: là hành giả siêng tu khiến tâm tín yên định.

Thứ mười ba: “Kế là dùng chân ngôn ấn” trở xuống là Kim cương giáp trụ chân ngôn môn. Cũng có tụng chân ngôn ấn.

- Hai bài kệ đầu: là hiển bày chung đức của ấn.

- Nửa bài kệ đầu: tướng mật ấn trong đây trở xuống là chính hiển bày tướng của ấn.

- Hai câu tiếp theo kết thúc trước sanh khởi sau.

- Vô cấu: là chữ lăm.

- Kế là nói chân ngôn Kim cương khải: là trang nghiêm thân Kim cương tát-đỏa. Người tu hành đã phát thệ nguyện Kim cương, vì muốn tất cả chúng sanh trừ diệt các chướng, nên tinh tấn mạnh mẽ, được áo giáp mũ trụ Kim cương. Hơn nữa, sáu Ba-la-mật, mỗi ba-la-mật như thật tướng, đều như Kim cương không thể phá hoại, lại trong mỗi “Độ” đều có năm độ, cho nên cùng thể nhỏ nhất khít khao không có kẽ hở, như: sáu độ, ba mươi bảy phẩm, mười tám Không, một tám lễ tám Tam-muội, năm trăm Đà-la-ni v.v... đều phải nói “Độ”, vì mặc áo giáp Kim cương như thế, xoay vần sáu đường, ra vào sanh tử, tất cả các khổ phiền não không thể làm tổn hoại.

- Nếu nói theo cạn lược thì do hành giả dùng chân ngôn này tự gia trì, nên tất cả các vị trời rồng... đồng thấy thân Kim cương Tát-đỏa khắp thân đều mặc giáp, mũ, trụ Kim cương không giao tiếp ánh sáng như lửa dữ. Cho nên tất cả làm chướng ngại đều không tổn hại.

- Phạt-chiết-la: là tên áo giáp Kim cương ca-phạ-già. Như Lai dùng mắt Kim cương quán khắp chúng sanh đều mặc giáp trụ Kim cương này, cho nên dùng lời thành thật mà giảng nói, trước hết lấy chữ “phạ” làm thể chân ngôn, phạ là nghĩa các pháp lìa ngôn thuyết, nếu là nói năng hí luận chỗ hành xứ thì đều có thể phá, có thể chuyển, không có bền vững, cho nên dùng chữ phạ đều chuyển để giải thích. Vì sao các pháp lìa ngôn thuyết? Vì sanh không thật có. Tại sao sanh không thật có? Vì tự tánh thanh tịnh, tự tánh thanh tịnh tức là thân Kim cương Tát-đỏa.

- Tiếp theo nói về nghĩa giáp: Nếu pháp là tạo tác mà thành, phải

biết chỉ có giả danh, thay đổi theo duyên, tánh kia còn không tự bền vững, huống gì có thể che giữ tên sắc sáu trần. Nay quán Kim cương thể vô tận trang nghiêm này thấy đều lìa các tạo tác, vì thế vững bền không hư hoại, “bách - phi” đã không xâm phạm, cho nên nói là Kim cương giáp trụ (áo giáp, mũ trụ Kim cương).

Cuối cùng chữ “Hồng” tức là tiếng không lo sợ, cũng là nghĩa năng lực tự tại, cũng là nghĩa vui mừng. Do định tuệ đầy đủ, khi chứng môn chữ “Hồng” này tự biết nhất định phá hoại được các chướng, che chở khắp chúng sanh; do đó rất vui mừng.

Thứ mười bốn: “Chữ la mầu trắng tinh” trở xuống là Lãm tự chân ngôn môn. Cũng có tụng chân ngôn, một bài kệ đầu là nói chỗ đặt để. Một câu đầu trong bài kệ này là chỉ cho chữ: thể, sắc, tướng, rõ ràng sáng sạch.

- Một câu kế tiếp: là nói cách dùng chữ “trang”.

- Như kia: là Kim cương.

- Một câu tiếp theo, nói lên chỗ chữ Lãm mà người trì tụng đặt bày.

- Một bài kệ từ “dù trong trăm kiếp” trở xuống là hiện bày sự lợi ích đã được của người trì tụng.

- La: là vật dơ.

- Ở trên dấu chấm là nghĩa hư không: nghĩa là lìa cấu đồng với hư không (bầu trời). Đó là nghĩa pháp giới tâm, cũng gọi là chỗ Vô cấu tự, chân ngôn đồng pháp giới, tức là nói ở ngoài chân pháp giới thì chân ngôn kia không từ đâu đến, cho nên dưới đây nói Vô lượng tội tiêu trừ, nghĩa là hiển bày đức dụng của chân ngôn.

- Hai câu “không bao lâu” là nói địa vị trí người trì chân ngôn đã đạt được.

- Hai câu “tất cả chỗ dơ bẩn v.v...” là nói người trì tụng khi ra vào nơi nhớ phải dùng pháp để nghiêm thân.

- Hai câu “mầu đỏ” là tướng ánh sáng vây quanh chữ Lãm. Chữ “lãm” là sử dụng chữ Phạn, theo phẩm Cúng dường Nghi thức chép: lúc bấy giờ quán chữ “Lãm”, đầy đủ các điểm trang sức, nghĩa là ánh sáng trong sáng chói lọi như ánh sáng mặt trời buổi sáng. Phẩm Trì tụng pháp tắc chép: Chữ “Lãm” là ánh sáng mặt trời mới mọc, màu đỏ ở ba góc, gia trì “bản tâm vị”, ấy gọi là ánh sáng trí tuệ. Phẩm Nhập mạn-đồ-la Cụ duyên chân ngôn chép: Đều đội chữ Vô Cấu, trang nghiêm dùng chấm đại không xoay quanh bày ra ánh sáng chói lọi, tự môn sanh ánh sáng trắng, lưu xuất ra như mặt trăng tròn. Lời sơ nói: Lại quán trên đỉnh

kia có một chữ “lãm”, trên chữ có dấu chấm, cho nên nói trang nghiêm dùng chấm đại không, đây là chữ “lãm”. Khắp bốn bên có ánh sáng, giống như tràng hoa liền nhau không đứt quãng, trong chữ lại khắp lưu xuất ra ánh sáng trắng, như ánh mặt trăng tròn sáng, đem tịnh pháp giới tâm này để gia trì có công năng trừ được các chướng trong ngoài, nói là nghĩa thấm nhuần lợi ích. Phẩm Tát-địa xuất hiện chép: Thứ nhất nhiếp trừ tướng đặt chấm đại không, chữ “La” chân thẳng chân thật, Phật dạy trên hết trong lửa; thứ hai nói chữ la trừ chướng mạn-đồ-la, là pháp chân thật bậc nhất trong sự trừ chướng, chữ “la” này là thiêu đốt trong lửa cháy, trong lửa cháy đỏ hết sạch không còn; do có thể đốt sạch các thứ phiền não, nghiệp khổ; cho đến hiện nay gây ra năm tội- Vô - gián, nếu tu tựu môn này cũng có thể trừ sạch không có dư thừa, đã trừ tội rồi thì sanh các công đức lành.

Thứ mười lăm: “Kế là hàng phục ma” trở xuống là vô kham nhẫn đại hộ minh môn. Cũng có tụng chân ngôn, trong đây hàng phục ma có bốn thứ: phiền não ma, ám ma, thiên ma và tử ma.

- Không thể chịu đựng nổi: Ma quỷ... thấy người trì tụng chân ngôn này, mở mắt muốn thấy thì không thể thấy, cho nên nói “Vô kham nhẫn minh”. Khi pháp sự Mạn-đồ-la đã cần chỉ phần môn chân ngôn. Lúc bấy giờ, Tỳ-lô-giá-na lại quán tất cả hội chúng bảo với Chấp Kim cương, bí mật chủ v.v... trở xuống là nói khi pháp sự Mạn-đồ-la đã cần chỉ phần chân ngôn, A-xà-lê phải hiểu rõ cho nên nói sau, đem hiển bày tạng mật ngữ của Như Lai, cho nên quán khắp đại chúng mà gia trì, như sanh thân Đức Phật, khi sắp phát lời thành thật thì hoặc hiện ra tướng lưỡi rộng trùm khắp mặt mà bảo với người đáng độ rằng, trong kinh sách ông có thấy người nào có tướng như thế mà phát ra lời luống dối không? Như trong Đại thừa thị hiện tướng lưỡi trùm khắp Tam thiên thế giới. Nay, Thế Tôn sắp nói lời bình đẳng của Như Lai, đem lời này lần lượt rộng ngang cùng khắp tất cả pháp giới.

Nói rằng tướng ngữ luân dài rộng, tướng này bản chữ Phạn chính là nói Mạn-đồ-la. Trước đã mở bày khắp môn thân Mạn-đồ-la, nay lại hiển bày khắp môn ngữ Mạn-đồ-la. Như hạt châu như ý vãng lạng vô tâm, cũng không có tướng định, mà có thể ứng khắp tất cả đều xứng đẹp tâm người, nên gọi là sắc đẹp Ma-ni, từ sắc đẹp Ma-ni thân phát xuất ra sắc đẹp ma-ni ngữ, bày ra sắc đẹp Ma-ni tâm, mưa khắp pháp tài, chúng sanh khắp pháp giới có nhiều thứ mong muốn, dấu vết ứng vật như thế thường trùm khắp mười phương ba đời, dùng vô lượng môn trong các gốc “đức” không khi nào cùng tận, trú trong hạnh không thể tổn hại, tức

là nghĩa đối với tất cả sự nghiệp đều không thể gây cản trở, không thể phá hoại, vì thế nói ba đời không thể sánh với năng lực một câu chân ngôn; đây là nói chung các chỗ đã phát sinh ra chân ngôn. Đến văn dưới sẽ nói đại lực, đại hộ v.v... Tức là dụng xứng cơ từ Như ý châu luân của Như Lai phát ra. Lúc bấy giờ, tất cả đại chúng tự biết, tâm khí hoàn toàn trong sạch, lại nhờ năng lực gia trì không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai cho nên lãnh thọ được pháp lớn, bấy giờ, dùng Vô lượng môn mỗi vị đều đồng thanh thỉnh Đức Phật rằng, Thế Tôn! Bấy giờ chính là đúng thời, bậc Thiện-Thệ! bấy giờ chính đã đúng thời. Theo bản chữ Phạn thì lúc trước gọi là Ca-la, đó là lúc thích hợp nhất, như một năm có ba phần bằng nhau, thời sau gọi là tam-ma-da, đó là thời nhỏ trong các thời. Như trong ngày đêm sáu thời, lại canh có ít phần v.v... Như có người nói: Bấy giờ chính là lúc làm việc, gặp được ân mưa móc, đến thời thích hợp để gieo trồng, chớ để mất cơ hội ấy, cho nên nói lại. Bấy giờ, Thế Tôn đã thọ thỉnh rồi, sắp nói đại lực đại hộ minh- phi, trụ trong mãn tất cả nguyện xuất ra tướng lưỡi dài rộng trùm hết tất cả cõi Phật, cờ pháp thanh tịnh, cao phong quán tam - muội. Trong đây nói xuất: Bản Phạn phiên dịch đúng nên nói là phát sanh, bản dịch xưa nói, hoặc mạnh mẽ, phát ra tướng lưỡi dài rộng này, tức là Như Lai mạnh mẽ thị hiện năng lực đại thần thông, cho nên hội ý mà nói. Tam muội này đối với tướng lưỡi dài rộng trùm khắp tất cả cõi Phật của Như Lai ma-ni phổ môn, là trên hết trong các đại dụng giống như cờ của vị đại tướng, cho nên nói cờ pháp thanh tịnh. Tiếng phạn nói là Đà-phạ-nhạ, Hán dịch là “tràng”. Tiếng Phạn Kế- đô, Hán dịch là “Kỳ”, hơi khác với tướng kia, tràng chỉ dùng các thứ tơ năm màu xen lẫn để trang nghiêm cột cờ, đại khái giống như kế - đô nhưng lại thêm tua cờ mặt hiệu, như nhà binh vẽ làm hình các loài như: rùa, rồng, chim thú v.v... để làm chừng mực trong ba quân, có một nhà cũng dịch là “Tràng”, cho nên hiệp lại để nói. Nếu hiện nay bản Phạn đầy đủ thì nên nói ”Thanh tịnh pháp tràng kỳ: như vị đại tướng trên núi cao xây dựng cột cờ, thấy đủ hình dáng núi, sông nơi nương dựa ẩn núp của kẻ địch, chỉ huy chúng trăm, muôn, động dừng như nhau, lia hiệp do tâm, dùng chiến ắt thắng, dùng công ắt thủ, nếu tướng vụng về đối với sự thế lại mất cột cờ, thì mỗi người tâm thua trận lạ lòng không trở được gót chân. Tâm Bồ-đề thanh tịnh này làm cột cờ muôn hạnh cũng giống như thế, trú ở trên núi trung đạo đệ nhất nghĩa đế, yên định vững chắc không lay động, thực hành tam-muội, quán khắp mười phương, đều thấy vô lượng độ môn, chủng tánh hơn kém, chỗ đã ứng dụng và nhân duyên chương đạo thông suốt,

bít lấp ở các “địa”, cho nên có thể nhiếp trì vô lượng công đức, khắp hộ vô lượng chúng sanh. Hễ có làm gì thì không thể làm trở hoại. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ rằng ta từ khi mới phát ý đến nay thường dùng tâm Bồ-đề mạnh mẽ này hộ trì chánh pháp và các chúng sanh, trong các nạn xử thực hành việc khổ hạnh, giống như Kim cương không có lui sụt, chính vì thành tựu tam-muội như thế nên che chở khắp các cõi Phật ở mười phương. Nay chỗ nguyện của ta đều đã đầy đủ hoàn toàn, làm việc đáng làm, nay chính là đúng lúc. Nói câu trì minh pháp này, như ta đã nói thành thất không luống dối, kia có tụng trì tu tập, khiến thế lực của kia không khác với ta, vì thế gọi là đại lực đại hộ. A-xà-lê nói: Minh là nghĩa trí tuệ rộng lớn sáng suốt. Phi, tiếng Phạn là “La-thệ”, tức là chữ vương làm giọng nữ mà gọi, vì thế nghĩa truyền độ nói là phi. Phi là nghĩa Tam-muội, đó là đại bi Thai tạng Tam-muội. Tam-muội này là mẹ của tất cả Phật tử; Phật tử này chính là “thanh tịnh pháp tràng Bồ-đề tâm”. Như Thai tạng kia, bắt đầu từ khi Ca-la-la chứa đựng giữ gìn, khiến không bị các duyên làm thương tổn, dần dần lớn lên, cho đến sau khi sinh ra còn hết sức giữ gìn nuôi dưỡng hơn nữa, vì thế nói ân mẹ rất sâu khó báo đáp được.

Từ tam-muội này: khi nhập, trú, xuất đều là pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, không phải như Thiên định thế gian có động, tịnh ngại nhau, có khi lui sụt xen kẽ.

- Câu đầu là quy mạng tất cả các Như Lai.

- Câu thứ hai là có công năng dứt trừ tất cả các chướng sợ hãi v.v...

Đó là khen ngợi đức đại lực đại hộ của tất cả Như Lai.

- Lại câu tiếp theo là khen ngợi vô lượng độ môn.

Tỳ-thấp-phước, cũng là nghĩa khéo đó là vô lượng xảo độ môn, tức là nghiệp dụng Phổ môn, Tam-muội Pháp tràng cao phong quán, nay muốn nói Minh phi này, cho nên trước quy kính công đức tất cả Như Lai như thế.

Tiếp theo nói: “Tát - bà - tha”, là chỉ chung công đức của chư Phật như thế, muốn khiến cho đồng nhập một tự môn.

Kế tiếp có hai chữ “hàm khiếm”, chính là thể chân ngôn, cũng gọi là hạt giống.

Các câu ở dưới đều giải thích hai tự môn.

Chữ “ha” là nghĩa “nhân”, có chỗ nói nhân Đại thừa: tức là tâm Bồ-đề, vì tất cả “nhân” vốn bất sanh, cho đến xa lìa nhân duyên gọi là Tâm Bồ-đề thanh tịnh. Tâm Bồ-đề thanh tịnh là hạt giống để thành Phật, là nhân chân thật của ngọn cờ chánh pháp, cho nên chuyển thanh

là “Hàm”. “Khu” là đại không, ở trên thêm dấu chấm chuyển thành là “khiếm”, tức là chứng đại không này gọi là Bát-nhã Phật mẫu, chính là nghĩa “Minh-phi”. Ở trong hư không tạng này nuôi dưỡng chính nhân chủng tử, tức là nghĩa “Đại hội”). Lại nữa, môn chữ “khu” giống như hư không rỗng ráo thanh tịnh không chỗ nào không có, tức là cảnh giới mà cao phong quán biết được. Chữ “Ha” là cờ Bồ đề cũng là năng lực tự tại, vì hai chữ này tương ứng, giống như vị đại tướng có khả năng phá tan oán địch. Lại tự môn Ha là tâm Bồ đề quý báu, cùng tự môn “khu” hư không tạng hòa hiệp nên được thành Ma-ni có sắc đẹp, có thể đầy đủ tất cả ước nguyện. Nay trong chân ngôn này thiếu chữ “Khiếm” này, vẫn dưới có đầy đủ.

- Câu kệ là La-khất-sái, tức là nghĩa ủng hộ; như người bị ách nạn sợ hãi, nếu cậy nhờ người có sức mạnh, hoặc được thành cao, ao sâu bền chắc thì an vui không lo sợ, các kẻ thù kia dù dùng các thứ phương tiện nào cũng không sánh bằng. Người tu hành cũng giống như vậy, nương nhờ vào tâm Bồ đề vương, dùng Bát-nhã Thai tạng làm thành quách, giống như hư không không thể phá hoại, tức là chuyển thích nghĩa trước.

- Câu kệ là, “Ma-ha-mạt-lê”, Hán dịch là “đại lực”. Chữ “ha” chỉ cho tâm Bồ đề đầy đủ tất cả năng lực Như Lai; nay hòa hiệp với chữ “khu”, cho nên xa lìa các sự trói buộc vô quá ngại, như giữa hư không gió xoay chuyển tự tại, vì thế gọi là đại lực, lại nữa, năng lực tự tại của chữ “Ha” hòa hiệp với vô lượng xảo độ môn của chữ “Khu”, do đó giống như lực sĩ đầy đủ ngàn thứ tài năng, cho nên nhiều người không thể thắng được, vì thế gọi là Đại lực.

- Câu kệ là giải thích nguyên nhân của đại lực, do đó nói từ nơi tất cả công đức của Như Lai sanh ra, nói đại lực vững chắc này vốn từ chủng tánh Kim cương của các Đức Phật sanh ra, lại từ vô lượng kiếp đến nay thường dùng chánh nhân chữ “Ha” này để tu đầy đủ môn của chữ “Khu”, mỗi chữ đều như Kim cương không thể phá hoại; nay các đức đã tròn đầy, các năng lực đều đủ, lại phải dùng đỉnh cao cờ pháp này quán tam-muội, diệt hết pháp giới oán địch, hộ khắp chúng sanh, sau đó phát lời thành thật, đó gọi là chữ Hồng, Hồng là tiếng sợ hãi.

- Cho nên nói lại: 1. Là diệt hết ngoại chướng; 2. Diệt hết nội chướng; lại nữa ngoài là phiền não, trong là trí chướng, nếu giải thích tự môn, Như Lai dùng pháp nào để trừ các chướng? Đó là dùng tự môn Ha này.

Dưới có vẽ tam-muội, tức là tu đủ môn hạnh, trên có dấu chấm

“đại không”, tức là đã thành muôn đức, chữ Ha tức là cây cờ pháp tam-muội, dấu chấm không hòa hiệp, do đó chính là ở đỉnh cao quán tam-muội.

- Đây đủ tất cả hạt giống Như Lai: Dấu chấm tên là mẹ của “Minh phi”, dưới vẽ là Thai phần mỗi ngày thêm nhiều, đầy đủ nghĩa như thế, cho nên ngay khi phát ra lời, ma quân đều tan hoại.

- Kế là nói Đất-la-tra, là nghĩa tra ha nhiếp phục, như khi sư tử nổi giận rống lớn thì các loài thú đều nhiếp phục.

- Cũng nói lại: là đối trị phiền não căn bản, tùy phiền não, cho đến đối trị phiền não bên trong, phiền não bên ngoài.

- Câu cuối cùng nói: A-bát-la-đề-ha-đế, là nghĩa năng lực không đối trị không so sánh, kết thúc lại văn trên. Vì nhân duyên này cho nên gọi là “Đại lực đại hộ Minh phi”.

- Ta ha: là báo cho biết các Đức Phật đã chứng minh cũng là nghĩa ức - niệm trì (nhớ nghĩ giữ gìn), như trước đã giải thích. Kinh dạy: Khi tất cả các Như Lai và chúng Phật tử nói “Minh” này rồi, ngay lúc ấy khắp cả cõi Phật rung chuyển sáu cách, nghĩa là khi Đại Nhật Như Lai phát ra lời này khắp cả pháp giới, các Đức Phật, Bồ-tát do cảnh giới bất - nhị, nên đều đồng thanh cùng nói. Nay pháp gia trì này oai thế đầy đủ, lại vì Như Lai nói lời thành thật, cho nên ngay lúc ấy các cõi Phật mười phương rung chuyển sáu cách, để biết đại thế của Phật là chân thật không lường đối, nghĩa rung chuyển sáu cách và tướng của nó các kinh khác có nói đầy đủ. Nay nương vào Tông Bí mật này giải thích rung chuyển sáu cách, nghĩa là sáu phiền não căn bản là tham, sân, si, kiến, mạn, nghi; tâm địa của tất cả chúng sanh thường bị lớp bụi này giữ lại nên không thể tự khởi, nay nhờ cảm động đến lòng thành thật của Thế tôn, khiến lớp vỏ bọc bị xé tan, mầm giống Phật sanh, cho nên nói rung chuyển sáu cách. Bấy giờ, tất cả Bồ-đề thấy hai thứ nhân duyên động đất sâu kín và cạn cạn, tâm đều tự khai mở được điều chưa từng có, dùng kệ vi diệu khen ngợi trí tuệ của Thế tôn. Song, kinh dạy: ở trước các Đức Phật: nghĩa là khi Phật nói Minh này, các vị Bồ-tát v.v... trong các thế giới mười phương mỗi vị đều thấy Đức Phật kia, ở trước cũng đều nói, cho nên đồng một âm thanh, cùng một lúc nhận hiểu, tức là nhờ vào văn này mà chứng, thành oai lực tự hộ. Trong kệ nhận hiểu, các Đức Phật rất đặc biệt đầy đủ trong bản Phạn, nên nói kỳ lạ thay tất cả các Đức Phật nói năng lực hộ trì lớn lao này, ngay lúc ấy các vị Bồ-tát trong mỗi thế giới đều cùng lúc nhận hiểu, tất cả các Đức Phật trong mười phương đều nói chân ngôn, vì các Đức Phật trong mười phương

cùng hộ trì, giống như thành Kim cương lầu gác cao không thể tiến lên, lại vây quanh dùng hồ nước nóng sâu thì không thể đến, cho nên tất cả các chướng không thể xâm hại.

- Do bị hộ tâm trụ: nghĩa là những người tu hành có thể dùng chân ngôn mật ấn này giữ gìn thân tâm mà an trụ.

- Cho nên tất cả là chướng: nghĩa là các Tỳ-na-dạ-ca, ác hình la-sát v.v... tự nhiên tan lụi. Chữ trụ này nếu nương vào tiếng Phạn cũng còn tên, để giữ gìn tâm kia.

- Nếu giải thích sâu: là nói tâm Bồ-đề thanh tịnh này, người dùng thật nghĩa “Minh phi” này giữ tâm mà trú nên ba thứ chướng nặng, các ác la-sát v.v... đều bị xua tan, không thể làm tổn hại căn lành của người đó. Dưới cho đến khi sanh tâm nhớ nghĩ, cũng có thể lực như thế. Cho nên câu cuối lại kết thúc thành tựu. Do vừa nghĩ nên bắt đầu từ Nam-ma cho đến Sa-ha, trong khoảng giữa đó thì nói là “tài” (vừa mới).

-Tất cả kia: là loại Tỳ-na-dạ-ca.

- Tan ra đi khắp: Tan ra đi khắp trong mười phương, không biết chỗ đi.

